

Số ra ngày: 1/12/2014

# BẢN TIN TRUNG TÂM THÔNG TIN QUỐC TẾ

◇Trung tâm Thông tin Quốc tế Thành phố Higashiosaka phát hành (2 số/ tháng)

Tầng 12 tòa nhà ủy ban thành phố, 1-1-1 Aramotokita, Higashiosaka-shi, 577-8521

◇TEL:06-4309-3311 Fax:06-4309-3823 ◇http://www.city.higashiosaka.lg.jp/bunkoku/index500.html

\*Có thể xem bản tin này trên website. Hãy truy cập vào trang homepage của Trung tâm Thông tin Quốc tế để đăng ký.

Ngày 14 tháng 12 là ngày bỏ phiếu cho cuộc tổng tuyển cử nghị viên Hạ nghị viện và cuộc điều tra toàn dân Thảm phán Tòa án tối cao dành cho người mang quốc tịch Nhật Bản

日本国籍をお持ちの方へ 12月14日(日)は衆議院議員総選挙および最高裁判所裁判官国民審査の投票日です

## Phân loại chi tiết chi phí y tế cao

高額療養費の区分が細分化

Số tiền phải chịu một phần của chi phí y tế (phần áp dụng cho bảo hiểm) đã được thanh toán trong cùng một tháng, nếu vượt quá số tiền nhất định (số tiền trong mức bản thân tự chịu) thì số tiền vượt quá đó sẽ được chi trả như chi phí y tế cao. Khi đó, sẽ xem xét lại số tiền trong mức bản thân tự chịu đối với người dưới 70 tuổi và phân loại chi tiết từ phần khám chữa bệnh của tháng 1 năm sau.

同じ月内に支払った医療費(保険適用分)の一部負担金が一定額(自己負担限度額)を超えた額が高額療養費として支給されます。このたび70歳未満の方の自己負担限度額が見直され、来年1月診療分から区分が細分化されます。

Trường hợp đã thanh toán 2 lần trở lên số tiền phải chịu một phần từ 21.000 yên trở lên trong cùng một tháng với cùng một hộ gia đình, thì sẽ được chi trả phần vượt quá số tiền bản thân tự chịu sau khi tính tổng số tiền.

同じ世帯で、同じ月内に2万1000円以上の一部負担金を2回以上支払った場合は、それらの額を合算して自己負担額を超えた分を支給します。

Chi phí ăn uống, khám chữa bệnh ngoài phạm vi áp dụng bảo hiểm, phí đi lại, chi phí phòng bệnh theo yêu cầu, v.v... khi nhập viện sẽ không thuộc đối tượng chi trả. Xin vui lòng liên hệ để biết thêm thông tin chi tiết.

入院時の食事代や、保険適用外診療、交通費、差額ベッド代などは対象外です。詳しくは、お問合せください。

Nơi liên hệ: Ban Cấp Chứng nhận, Phòng Bảo hiểm Y tế

TEL 06-4309-3167/ FAX 06-4309-3804

問合せ先:医療保険室 資格給付課

## Sửa đổi chế độ trợ cấp nuôi con

児童扶養手当制度が改正されます

Theo Luật trợ cấp nuôi con sửa đổi, từ sau ngày 1 tháng 12, nếu tiền trợ cấp hưu trí thấp hơn tiền trợ cấp nuôi con, thì phần tiền trợ cấp chênh lệch đó sẽ được chi trả ngay cả trường hợp đang nhận các loại trợ cấp hưu trí công cộng khác.

児童扶養手当法の改正により12月1日以降は、公的年金などを受給している場合でも、年金額が児童扶養手当額を下回るときはその差額分の手当が支給されることとなります。

Tuy nhiên, chỉ những người có liên quan đáp ứng tất cả các điều kiện sau thì mới được đăng ký.

ただし、以下の要件をすべて満たす場合に限りです。該当する方は申請してください。

△Người thay thế cha mẹ hoặc ông bà nuôi con dưới 18 tuổi (hoặc dưới 20 tuổi trong trường hợp bị khuyết tật nhất định)

△18歳未満(一定の障害がある場合は20歳未満)の児童を養育する父・母または父母に代わって養育する方。

△Khi tiền trợ cấp hưu trí công cộng, v.v... thấp hơn tiền trợ cấp nuôi con

△公的年金などの額が児童扶養手当額を下回るとき

△Những người liên quan đến điều kiện chi trả tiền trợ cấp nuôi con (hộ gia đình cha hoặc mẹ đơn thân như cha con, mẹ con do ly hôn, v.v...)

△児童扶養手当支給要件に該当する方(離婚などによる父子・母子などのひとり親世帯)

\* Xin vui lòng truy cập trang web của thành phố để biết thêm chi tiết về điều kiện, số tiền và cách thức đăng ký tiền trợ cấp nuôi con, v.v...

\*児童扶養手当の支給要件や金額、申請方法など詳しくは市ウェブサイトをご覧ください。

Nơi liên hệ và đăng ký: Phòng trợ cấp hưu trí quốc dân

TEL 06-4309-3165/ FAX 06-4309-3805

申込・問合せ先:国民年金課

## Cho vay vốn chuẩn bị nhập học

入学準備金をお貸しします

Chúng tôi sẽ thực hiện cho vay vốn chuẩn bị nhập học sau khi đã tuyển chọn dành cho những học sinh sinh viên thuộc diện khó khăn về tài chính khi nhập học vào các trường trung học tư thục, đại học, và cao đẳng. Xin vui lòng liên hệ để biết thêm thông tin chi tiết.

経済的な理由で、私立高校および大学、短大への入学が困難な方に、選考のうえ入学準備金をお貸しします。詳しくはお問合せ下さい。

◇ Số người tuyển chọn/Khoản vốn vay

◇募集人数・貸付額

Trường trung học tư thục = khoảng 20 người/150.000 yên

私立高校=20人程度・15万円

Trường đại học/cao đẳng = khoảng 25 người/200.000 yên

大学・短大=25人程度・20万円

\* Ngoại trừ trường trung học công lập, trường chuyên tu, các

※公立高校、専修学校、各種学校および、通信制課程は除く。



<p>trường khác và các khóa học đào tạo từ xa.</p> <p>◇ Đăng ký</p> <p>Vui lòng nộp đơn nhập học, đơn tiền cử, thẻ chứng minh của thành viên hộ gia đình (giấy chứng nhận các hạng mục được đề cập đến trong sổ đăng ký người nước ngoài), giấy chứng nhận thuế công dân tỉnh/thành phố trước ngày quy định của trường đang theo học.</p> <p>* Cung cấp đơn nhập học/đơn tiền cử tại phòng học vụ, Trung tâm dịch vụ hành chính hoặc trường đang theo học.</p>	<p>◇申込</p> <p>願書、推薦調書、世帯全員の、住民票、市・府民税証明書を在学している学校が指定する期日まで各学校へ提出してください。</p> <p>※願書・推薦調書は学事課、行政サービスセンター、または在学している学校などで配布します。</p>
<p>Nơi liên hệ: Phòng học vụ</p> <p>TEL 06-4309-3272/ FAX 06-4309-3838</p>	<p>問合先: 学事課</p>
<p><b>Tiền trợ cấp phúc lợi tạm thời và tiền trợ cấp đặc biệt tạm thời dành cho các hộ gia đình đang nuôi con</b></p>	<p>臨時福祉給付金・子育て世帯臨時特例給付金</p>
<p>Kỳ hạn đăng ký tiền trợ cấp phúc lợi tạm thời và tiền trợ cấp đặc biệt tạm thời dành cho các hộ gia đình đang nuôi con là vào ngày 26 tháng 12 (thứ 5). Nếu quá kỳ hạn đăng ký (tính theo dấu bưu điện) thì sẽ không được trợ cấp. Chúng tôi sẽ cấp lại cho người làm mất đơn xin, nên vui lòng liên lạc đến trung tâm liên hệ.</p>	<p>臨時福祉給付金・子育て世帯臨時特例給付金の申請期限は 12月26日(金)(消印有効)です。申請期限を過ぎると支給できません。申請書を紛失された方は再発行しますので、お問い合わせセンターまでご連絡ください。</p>
<p>問合先: 臨時福祉給付金・子育て世帯臨時特例給付金お問合せセンター</p> <p>Nơi liên hệ: Trung tâm liên hệ hỗ trợ tiền trợ cấp phúc lợi tạm thời – tiền trợ cấp đặc biệt tạm thời dành cho các hộ gia đình đang nuôi con</p> <p>申込・問合先: 臨時福祉給付金・子育て世帯臨時特例給付金支給室</p> <p>Nơi liên hệ - đăng ký: Phòng hỗ trợ tiền trợ cấp phúc lợi tạm thời – tiền trợ cấp đặc biệt tạm thời dành cho các hộ gia đình đang nuôi con</p>	<p>TEL:0570-666-134</p> <p>TEL 06-6744-3661 / FAX 06-4309-3820</p>

## Những điều cần thiết cho cuộc sống ở Osaka Mục lục

### VI-4 Hệ thống giáo dục của Nhật Bản 1. Giáo dục bắt buộc

Hệ thống giáo dục của Nhật là bắt buộc đối với học sinh từ cấp 1 đến cấp 2 bao gồm 9 năm. Trong khoảng thời gian này chi phí học tập và sách giáo khoa được miễn phí hoàn toàn. Học sinh có thể học ở trường học công lập theo chi định. Ngoài chi phí sách giáo khoa trên, những chi phí phụ khác và chi phí du lịch ở trường gia đình phải chịu phí tổn.

Trẻ em mang quốc tịch Nhật Bản trên toàn quốc sẽ được ủy ban giáo dục địa phương gửi giấy báo nhập học qua đường bưu điện, sau khi nhận giấy này trẻ em sẽ đến trường ghi trong giấy báo bắt đầu việc học.

Trẻ em mang quốc tịch nước ngoài nếu muốn vào trường cấp 1, cấp 2 công lập thì hãy làm đơn xin ủy ban giáo dục tại nơi bạn sống để được nhập học (trường hợp mới nhập học). Nếu là con em đã đến tuổi đi học và có cha mẹ đã đăng ký lưu trú trong khu vực Phủ Osaka từ trước sẽ được ủy ban giáo dục gửi thông báo nhập học đến, cần điền những thông tin cần thiết để nhập học. Học sinh nhập học giữa chừng cũng được nhận vào học, cần tư vấn cụ thể với ủy ban giáo dục để tiến hành việc nhập học.

Ngoài ra còn có hệ thống trường học tư lập, những trường này thường phải tốn chi phí. Hầu hết những trường này đều có thi tuyển đầu vào, xin liên hệ chi tiết đến từng trường cụ thể để biết thủ tục nhập học.

### VI-4 日本の教育システム 1. 義務教育

日本の教育は小学校から中学校までの9年間が義務教育となっています。この間は学費・教科書代は無料で、定められた公立学校に行くことができます。ただし、教科書以外の副教材や学校での旅行の費用などが別に必要です。日本の国籍をもつ子どもには地元の教育委員会から就学通知が郵送されてきますので、記載の学校へ所定の日に入学することになります。

外国籍のこどもで日本の公立小中学校への入学を希望する場合は、地元の教育委員会へ申し出れば就学通知が受けられます(新入学の場合)。また、以前から府内に住民登録をされて住んでおられる人には、その子どもが学齢期に達すると市町村の教育委員会から就学案内が送付されますので、必要事項を記入して提出します。年度途中の入学も可能ですので各市町村の教育委員会に相談して下さい。

私立の小学校、中学校もありますが、別途授業料などが必要です。詳しくは各学校に問い合わせして下さい。入学試験を受けることが必要なところがほとんどです。

< From the homepage of Osaka Foundation of International Exchange > < 財団法人大阪府国際交流財団(OFIX) 大阪生活必携より >

<http://www.ofix.or.jp/plaza/index3.html>

<p>Trung tâm thông tin quốc tế thành phố Higashiosaka</p>	<p>Trả lời thắc mắc về dịch vụ hành chính, cung cấp thông tin, và hướng dẫn tư vấn. Bảo mật thông tin. Tư vấn miễn phí. Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn/tiếng Triều Tiên</p>	<p>TEL: 06-4309-3311 FAX: 06-4309-3823</p>
<p>Quầy thông tin người nước ngoài ở thành phố Osaka</p>	<p>Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn/tiếng Triều Tiên, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, tiếng Philipin, tiếng Thái, tiếng Nhật</p>	<p>TEL: 06-6941-2297</p>

